

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp,
quản lý và sử dụng phí thư viện trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XIII, Kỳ họp thứ 3 ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 4500/STC-QLG ngày 19 tháng 12 năm 2016; Báo cáo số 327/BC-STP ngày 19 tháng 12 năm 2016 của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thư viện trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, cụ thể như sau:

1. Mức thu:

a) Đối với bạn đọc là người lớn:

- Phí thẻ mượn: 25.000 đồng/thẻ/năm.

- Phí thẻ đọc tài liệu: 15.000 đồng/thẻ/năm.

b) Đối với bạn đọc là trẻ em:

- Phí thẻ mượn: 10.000 đồng/thẻ/năm.

- Phí thẻ đọc tài liệu: 5.000 đồng/thẻ/năm.

2. Đối tượng nộp phí và tổ chức thu phí:

a) Đối tượng nộp phí: Tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có nhu cầu đọc, mượn sách, báo, tạp chí, văn ấn phẩm và các tài liệu khác tại thư viện công cộng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

b) Tổ chức thu phí: Thư viện công cộng các cấp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên được thu phí theo mức thu quy định tại Khoản 1 Điều này.

Đơn vị được giao nhiệm vụ thu phí phải niêm yết hoặc thông báo công khai mức thu phí tại điểm thu phí.

3. Đối tượng được miễn, giảm phí:

a) Miễn phí: Miễn phí thư viện đối với người khuyết tật đặc biệt nặng theo quy định tại Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật.

b) Giảm 50% mức phí thư viện đối với các trường hợp sau:

Các đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa quy định tại Điều 2 Quyết định số 170/2003/QĐ-TTg ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hoá. Trường hợp khó xác định là đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa thì chỉ cần có giấy xác nhận của UBND xã, phường, thị trấn nơi đối tượng cư trú.

Người khuyết tật nặng theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ.

Trường hợp người vừa thuộc diện hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa vừa thuộc diện người khuyết tật nặng thì chỉ được giảm 50% mức phí thư viện.

4. Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí:

a) Quản lý phí: Đơn vị được giao nhiệm vụ thu phí có trách nhiệm:

Cấp biên lai thu phí hoặc hóa đơn thu phí cho đối tượng nộp phí theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính hướng dẫn về in, phát hành, quản lý, sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước.

Thực hiện đăng ký, kê khai, thu, nộp và quyết toán tiền phí thu được theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

b) Sử dụng phí:

Cơ quan thu phí, lệ phí được trích để lại 90% trên tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho việc thu phí, phần còn lại 10% nộp vào ngân sách nhà nước.

Số tiền phí được để lại, cơ quan thu phí phải sử dụng đúng mục đích, có chứng từ hợp pháp; mức chi cụ thể theo tiêu chuẩn, định mức quy định hiện hành và thực hiện quyết toán hằng năm.

Hàng tháng, chậm nhất ngày 05 của tháng sau, đơn vị được giao nhiệm vụ thu phí có trách nhiệm nộp số tiền phí thu được (sau khi trừ đi số phí được trích để lại theo quy định) vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc Nhà nước.

Các nội dung khác liên quan đến quản lý và sử dụng phí không được đề cập tại Quyết định này được thực hiện theo hướng dẫn tại Nghị định số 120/2016/NĐ-CP, Thông tư số 250/2016/TT-BTC, Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 2. Tổ chức, cá nhân vi phạm trong việc quản lý và sử dụng phí sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 và thay thế Quyết định số 2656/2004/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2004 của UBND tỉnh về việc thực hiện chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí thu viện trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị: Sở Tài chính, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Thư viện tỉnh, Cục Thuế tỉnh, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KT, TH, KGVX.

Trìnhhq/QĐ.T12/35b

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Vũ Hồng Bắc

